

Số: 48/2016/TT-BTC

Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2016

**THÔNG TƯ**

**SỬA ĐỔI MỨC THUẾ SUẤT THUẾ NHẬP KHẨU ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI MỘT SỐ MẶT HÀNG XĂNG, DẦU THUỘC NHÓM 27.10 TẠI BIỂU THUẾ NHẬP KHẨU ƯU ĐÃI**

*Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu ngày 14/6/2005;*

*Căn cứ Nghị quyết số 295/2007/NQ-UBTVQH12 ngày 28/9/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc ban hành Biểu thuế xuất khẩu theo danh Mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất đối với từng nhóm hàng, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh Mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất ưu đãi đối với từng nhóm hàng;*

*Căn cứ Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13/8/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu;*

*Căn cứ Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;*

*Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách Thuế,*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng xăng, dầu thuộc nhóm 27.10 tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi.*

**Điều 1. Sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng xăng, dầu thuộc nhóm 27.10**

1. Sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng dầu thuộc nhóm 27.10 tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi kèm theo Thông tư số 182/2015/TT-BTC ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thành mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi mới quy định tại Danh Mục thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với mặt hàng dầu diesel sinh học tại Chương 98 thuộc Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi ban hành kèm theo Thông tư số 182/2015/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính thành mức thuế suất mới quy định tại Danh Mục thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi ban hành kèm theo Thông tư này.

**Điều 2. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18/3/2016.

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện kiểm sát NDTC, Tòa án NDTC;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- VP BCD TƯ về phòng, chống tham nhũng;
- Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;
- Cục Hải quan tỉnh, thành phố;
- Công báo;
- Website Chính phủ và Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ CST(PXNK).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Vũ Thị Mai**

## DANH MỤC

THUẾ SUẤT THUẾ NHẬP KHẨU ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI MỘT SỐ MẶT HÀNG THUỘC NHÓM  
27.10

(Ban hành kèm theo Thông tư số 48/2016/TT-BTC ngày 17/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

### Mục I

THUẾ SUẤT THUẾ NHẬP KHẨU ƯU ĐÃI ÁP DỤNG ĐỐI VỚI 97 CHƯƠNG THEO  
DANH MỤC HÀNG HÓA NHẬP KHẨU VIỆT NAM

| Mã hàng    | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Thuế suất (%) |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
| 27.10      | <b>Dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum, trừ dầu thô; các chế phẩm chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác, có chứa hàm lượng từ 70% trở lên là dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ hoặc các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum, những loại dầu này là thành phần cơ bản của các chế phẩm đó; dầu thải.</b>                              |               |
|            | - Dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum (trừ dầu thô) và các chế phẩm chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác, có chứa hàm lượng từ 70% trở lên là dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ hoặc các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum, những loại dầu này là thành phần cơ bản của các chế phẩm đó, trừ nhiên liệu sinh học và trừ dầu thải: |               |
| 2710.12    | - - Dầu nhẹ và các chế phẩm:                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |               |
|            | - - - Xăng động cơ:                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |               |
| 2710.12.11 | - - - - RON 97 và cao hơn, có pha chì                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 20            |
| 2710.12.12 | - - - - RON 97 và cao hơn, không pha chì                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 20            |
| 2710.12.13 | - - - - RON 90 và cao hơn, nhưng dưới RON 97 có pha chì                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 20            |
| 2710.12.14 | - - - - RON 90 và cao hơn, nhưng dưới RON 97 không pha chì                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 20            |
| 2710.12.15 | - - - - Loại khác, có pha chì                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 20            |
| 2710.12.16 | - - - - Loại khác, không pha chì                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 20            |
| 2710.12.20 | - - - <b>Xăng máy bay, trừ loại sử dụng làm nhiên liệu máy bay phản lực</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7             |
| 2710.12.30 | - - - Tetrapropylen                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 20            |
| 2710.12.40 | - - - Dung môi trắng (white spirit)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 20            |
| 2710.12.50 | - - - Dung môi có hàm lượng cấu tử thơm thấp dưới 1% tính theo trọng lượng                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 20            |
| 2710.12.60 | - - - Dung môi nhẹ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 20            |
| 2710.12.70 | - - - Naphtha, reformat và các chế phẩm khác để pha chế xăng động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 20            |
|            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |               |

|                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |          |
|-------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 2710.12.80        | - - - Alpha olefin khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 20       |
| 2710.12.90        | - - - Loại khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 20       |
| 2710.19           | - - Loại khác:                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |          |
| 2710.19.20        | - - - Dầu thô đã tách phần nhẹ                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5        |
| 2710.19.30        | - - - Nguyên liệu để sản xuất than đen                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5        |
|                   | - - - Dầu và mỡ bôi trơn:                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |          |
| 2710.19.41        | - - - - Dầu khoáng đã tinh chế để sản xuất dầu bôi trơn                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5        |
| 2710.19.42        | - - - - Dầu bôi trơn cho động cơ máy bay                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5        |
| 2710.19.43        | - - - - Dầu bôi trơn khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5        |
| 2710.19.44        | - - - - Mỡ bôi trơn                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5        |
| 2710.19.50        | - - - Dầu dùng trong bộ hãm thủy lực (dầu phanh)                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 3        |
| 2710.19.60        | - - - Dầu biến thế và dầu dùng cho bộ phận ngắt mạch                                                                                                                                                                                                                                                                              | 5        |
|                   | - - - Nhiên liệu diesel; các loại dầu nhiên liệu:                                                                                                                                                                                                                                                                                 |          |
| <b>2710.19.71</b> | - - - - <b>Nhiên liệu diesel cho ô tô</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                         | <b>7</b> |
| <b>2710.19.72</b> | - - - - <b>Nhiên liệu diesel khác</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                             | <b>7</b> |
| <b>2710.19.79</b> | - - - - <b>Dầu nhiên liệu</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | <b>7</b> |
| <b>2710.19.81</b> | - - - <b>Nhiên liệu động cơ máy bay (nhiên liệu phản lực) có độ chớp cháy từ 23°C trở lên</b>                                                                                                                                                                                                                                     | <b>7</b> |
| <b>2710.19.82</b> | - - - <b>Nhiên liệu động cơ máy bay (nhiên liệu phản lực) có độ chớp cháy dưới 23°C</b>                                                                                                                                                                                                                                           | <b>7</b> |
| <b>2710.19.83</b> | - - - <b>Các kerosine khác</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | <b>7</b> |
| 2710.19.89        | - - - Dầu trung khác và các chế phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 15       |
| 2710.19.90        | - - - Loại khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 3        |
| 2710.20.00        | - Dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum (trừ dầu thô) và các chế phẩm chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác, có chứa từ 70% trọng lượng trở lên là dầu mỏ hoặc các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum, những loại dầu này là thành phần cơ bản của các chế phẩm đó, có chứa dầu diesel sinh học, trừ dầu thải | 5        |
|                   | - Dầu thải:                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |          |
| 2710.91.00        | - - Có chứa biphenyl đã polyclo hóa (PCBs), terphenyl đã polyclo hóa (PCTs) hoặc biphenyl đã polybrom hóa (PBBs)                                                                                                                                                                                                                  | 20       |
| 2710.99.00        | - - Loại khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 20       |

## Mục II

### CHƯƠNG 98 - QUY ĐỊNH MÃ HÀNG VÀ MỨC THUẾ SUẤT THUẾ NHẬP KHẨU ƯU ĐÃI RIÊNG ĐỐI VỚI MỘT SỐ NHÓM MẶT HÀNG, MẶT HÀNG

| Mã hàng |    |    | Mô tả hàng hóa                       | Mã hàng tương ứng tại<br>Mục I phụ lục II |           |           | Thuế suất (%) |
|---------|----|----|--------------------------------------|-------------------------------------------|-----------|-----------|---------------|
| 9838    | 00 | 00 | Xăng sinh học (E5, E10)              | 2710                                      | 12        | 14        | 20            |
|         |    |    | <i>Dầu diesel sinh học (B5, B10)</i> | <i>2710</i>                               | <i>20</i> | <i>00</i> | <i>7</i>      |

